

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 131 ngày 12/6/2007, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Đã thi hành xong Bản án và được xóa án tích.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* ông Vũ Đình N, Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Chị Phan Thị P L, sinh năm 1982. Trú tại: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/4/2017, Vũ Ngọc P đã đến nhà anh Nguyễn Mạnh H (sinh năm 1980, trú tại: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai) để thuê xe ô tô Toyota Innova, biển kiểm soát 81A - 089.84 của anh H. Khi thuê xe, anh Nguyễn Mạnh H và Vũ Ngọc P đã làm Hợp đồng thuê xe ô tô thời gian 10 ngày, với giá tiền 700.000 đồng/01 ngày, P đã đặt cọc cho anh H 7.000.000 đồng và để lại 01 CMND số 240467255, 01 Giấy phép lái xe số AU 686289 đều mang tên Vũ Ngọc P. Sau đó, Vũ Ngọc P đã mang xe ô tô trên vào thành phố Hồ Chí Minh để đi lại; tuy nhiên, do cần tiền tiêu xài nên Vũ Ngọc P đã liên hệ với các đối tượng Đ, T (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008965 và Giấy chứng minh nhân dân số 175564445, đều mang tên Nguyễn Mạnh H (sinh ngày 28/12/1980, nguyên quán: Bình Định, nơi ĐKHKT: 165/7 H Vương, H, P, Gia Lai). Sau khi làm giả các giấy tờ, Vũ Ngọc P đã điện thoại liên hệ với Nguyễn Trung T, nhờ T giả làm chủ sở hữu xe ô tô trên để mang đi thế chấp cho người khác lấy tiền, T đã đồng ý. Vũ Ngọc P đã điện thoại liên hệ với Nguyễn Văn T để nhờ T vào thành phố Hồ Chí Minh lái xe ô tô trên về giao cho Nguyễn Trung T mang đi thế chấp. Nguyễn Văn T đã vào thành phố Hồ Chí Minh để lái xe ô tô trên về thành phố B, cùng đi về trên xe còn có đối tượng Trần Hữu Trọng (Bi). Khi T mang xe ô tô về đến thành phố B gặp T thì T nói đang bận nên không mang xe ô tô trên đi thế chấp được, T đã nhờ Bùi Thanh L đứng tên đóng giả làm chủ sở hữu cùng T mang xe ô tô đi thế chấp, T đã nhận giấy tờ xe ô tô giả cùng CMND giả (chưa có ảnh) để giao cho Nguyễn Văn T và Bùi Thanh L. Sau khi được T nhờ đứng tên chủ sở hữu xe ô tô và đưa giấy tờ giả thì Bùi Thanh L và Nguyễn Văn T đã dán ảnh của L lên CMND giả và dùng đồng xu đóng lên ảnh tạo dấu nổi, rồi T lái xe ô tô trên chở L mang xe đến thị trấn C, Đ C nhờ Lê Quang T dẫn đi thế chấp cho chị Phan Thị P L (trú tại: TDP 6, thị trấn C, Đ C, Gia Lai). Tại đây, L giới thiệu là chủ sở hữu xe ô tô rồi đưa các giấy tờ giả cho chị L. Sau khi kiểm tra giấy tờ, do không phát

hiện được các giấy tờ là giả nên chị L đã đồng ý cho L thế chấp xe ô tô với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, Bùi T L đã đưa toàn bộ số tiền cho Nguyễn Văn T, T đã đưa cho L 4.000.000 đồng, đưa Trần Hữu Trọng (Bi) 2.000.000 đồng, T giữ 2.000.000 đồng để đổ xăng, ăn uống trên đường đi, số tiền còn lại T chuyển khoản cho Vũ Ngọc P.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đối với 01 CMND số 175564445, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 81A-089.84 số 008965 mang tên Nguyễn Mạnh H do chị Phan Thị P L giao nộp, tại Bản kết luận giám định số 225/KLGĐ ngày 10/7/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: 01 Chứng minh nhân dân, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 81A-089.84 đều mang tên Nguyễn Mạnh H là giả.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 09/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 06 (sáu) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của cả hai tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn pháp luật quy định, các bị cáo Bùi Thanh L, Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại chị Phan Thị P L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và bị hại trình bày lý do kháng cáo cụ thể như sau:

- Bị cáo Bùi Thanh L cho rằng bị cáo chỉ nhận số tiền 194.000.000 đồng của chị Phan Thị P L vì chị L đã trừ lại 6.000.000 đồng tiền lãi. Trước đây không nhớ rõ về số tiền lãi nên bị cáo đã khai nhận số tiền 200.000.000 đồng là không đúng, Tòa án đã xử phạt bị cáo 07 năm tù là quá nặng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng bị cáo là người lái xe thuê, thực hiện theo các yêu cầu của P, bị cáo chỉ được trả 2.000.000 đồng tiền lái thuê, tương ứng với ngày công thị trường, trước đó bị cáo không hề hay biết việc các bị cáo khác bàn bạc thuê xe để đi cầm cố nhằm chiếm đoạt cũng như việc làm giấy tờ giả dối với chiếc xe ô tô, hiện nay hoàn cảnh gia đình quá khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt 07 năm tù là quá nặng.

- Bị hại chị Phan Thị P L cho rằng, trước đây chị chỉ đưa 194.000.000 đồng cho L, do đã trừ trước 6.000.000 đồng tiền lãi, thực tế Chị chỉ đưa cho bị cáo L 194.000.000 đồng. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T chỉ là chạy xe thuê, chỉ nhận 2.000.000 đồng tiền công nhưng Tòa án đã xử 07 năm tù là quá nặng, nên đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo T, chị L có nộp bổ sung giấy nhận tiền 50.000.000 đồng của T và P giao để khắc phục hậu quả.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thanh L, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Thanh L, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại chị Phan Thị P L, sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo của các bị cáo và bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 18/4/2017, Vũ Ngọc P đã thuê xe ô tô biển kiểm soát 81A-089.84 của anh Nguyễn Mạnh H đem vào thành phố Hồ Chí Minh, sau đó, do thiếu tiền tiêu xài, P đã liên lạc nhờ một số đối tượng Đ, T (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả giấy Chứng nhận đăng ký xe, Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh H rồi giao cho Nguyễn Trung T mang xe đi

thế chấp. T đã nhờ Bùi Thanh L đứng tên đóng giả làm chủ sở hữu cùng T mang xe ô tô đi thế chấp, T đã nhận giấy tờ xe ô tô giả cùng CMND giả (chưa có ảnh) để giao cho Nguyễn Văn T và Bùi Thanh L. Sau khi được T nhờ đứng tên chủ sở hữu xe ô tô và đưa giấy tờ giả thì Bùi Thanh L đã dán ảnh của L lên chứng minh nhân dân giả, sau đó cùng với T mang xe thế chấp cho chị Phan Thị P L để chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng. Với hành vi và hậu quả như trên, bị cáo Bùi Thanh L bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội của Vũ Ngọc P và Nguyễn Trung T đã bị xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HSST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[2]. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thanh L, thấy:

Trong vụ án này, Vũ Ngọc P có vai trò chủ mưu, các bị cáo Nguyễn Trung T, Bùi Thanh L và Nguyễn Văn T là người thực hành, giúp sức (Vũ Ngọc P, Nguyễn Trung T đã bị xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật). Bị cáo Bùi Thanh L biết rõ và đồng tình với hành vi, thủ đoạn lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của Vũ Ngọc P, tiếp nhận đề nghị của Nguyễn Trung T, đóng giả là chủ xe ô tô đồng thời có hành vi dán ảnh của mình lên Giấy chứng minh nhân dân giả, dùng đồng xu để đóng, tạo dấu nổi trên Giấy chứng minh nhân dân giả rồi mang xe ô tô đi cầm cố cho chị L để chiếm đoạt tiền. Như vậy, bị cáo L thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành, giúp sức tích cực cho Vũ Ngọc P và Nguyễn Trung T. Sau khi xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 06 tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, mức án trên là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ xét giảm án, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Thanh L và bị hại Phan Thị P L có lời khai nại về việc giao nhận giữa chị L với bị cáo L số tiền cầm cố và chiếm đoạt chỉ có 194.000.000 đồng, do đã trừ lại tiền lãi 6.000.000 đồng là không có căn cứ, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của bị cáo, bị hại đã khai trước đây và trái với Bản án đã có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T và của bị hại chị Phan Thị P L cho bị cáo Nguyễn Văn T, thấy:

Xét vai trò của bị cáo trong vụ án, tuy ban đầu bị cáo Nguyễn Văn T không biết hành vi thủ đoạn của P và các đồng phạm khác, nhưng sau khi nhận

lời điều khiển xe thì bị cáo đã biết rõ xe ô tô biển kiểm soát 81A-089.84 do Vũ Ngọc P thuê của người khác, không phải là chủ sở hữu xe, quá trình T lái xe đã biết rõ các giấy tờ xe, Chứng minh nhân dân do P làm giả nhưng vẫn giúp sức cho P và các đồng phạm khác thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo T là đồng phạm với vai trò giúp sức trong vụ án; tuy nhiên, xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T chỉ là người do Vũ Ngọc P thuê lái xe, trả tiền công 2 triệu đồng, không hưởng lợi gì trong vụ án, tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, lệ thuộc các bị cáo khác, vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án không đáng kể so với bị cáo L và các bị cáo khác, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo cùng mức án 07 năm tù như bị cáo L là có phần nghiêm khắc, không đánh giá đúng mức độ tham gia của bị cáo T, phân hóa vai trò đồng phạm trong vụ án. Trong quá trình điều tra, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù không có trách nhiệm bồi thường nhưng bị cáo đã nộp bổ sung một số tiền lớn để khắc phục hậu quả đáng kể cho người bị hại; bị cáo được bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì vậy cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và một tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4]. Đối với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật; kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a; điểm b Khoản 1, Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thanh L, giữ nguyên phần Quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với bị cáo Bùi Thanh L;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 07 (bảy) năm tù về Tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 06 (sáu) tháng tù về Tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc bị cáo Bùi Thanh L phải chấp hành chung hình phạt của cả hai tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2019.

2. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T và của bị hại chị Phan Thị P L (đối với bị cáo T). Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù về Tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Bùi Thanh L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV, Trại tạm giam - CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; UBND P. T; P. T Tiến, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk (thay TB kết quả xét xử);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi